

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
(BUSINESS ADMINISTRATION)

MÃ NGÀNH: K7340101

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ
TUYỂN SINH TỪ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 832 /QĐ-TĐT ngày 05 tháng 4 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng)

1. **Tên trường liên kết (Joint training university):** Đại học Kinh tế Praha, Cộng hòa Séc
(Prague University of Economics, Czech Republic).
2. **Tên ngành (Name of programme):**
 - Tên ngành tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
 - Tên ngành tiếng Anh: Business Administration
3. **Mã ngành tuyển sinh (Programme code):** K7340101
4. **Văn bằng (Training degree):** cấp song bằng
 - Trường Đại học Kinh tế Praha cấp bằng:
 - + Tên văn bằng tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh
 - + Tên văn bằng tiếng Anh: Bachelor of Business Administration
 - Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp bằng:
 - + Tên văn bằng tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh
 - + Tên văn bằng tiếng Anh: Bachelor of Business Administration
5. **Thời gian đào tạo (Training time):** Cử nhân - 04 năm
 - Giai đoạn 1: 2 năm học tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU), Việt Nam;
 - Giai đoạn 2: 2 năm cuối học tại Trường Đại học Kinh tế Praha (PUEB), Cộng hòa Séc.
6. **Hình thức đào tạo (Mode of study):** Chính quy - Liên kết đào tạo quốc tế 2+2
7. **Tiêu chí tuyển sinh (Admission criteria):** Thí sinh tốt nghiệp Trung học Phổ thông hoặc tương đương đủ điều kiện nhập học theo quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đạt trình độ tiếng Anh B2 theo khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương.

8. Mục tiêu đào tạo (Programme Educational Objectives - PEOs):

Sau khi tốt nghiệp 3 - 5 năm, chương trình đào tạo dành cho chương trình đại học liên kết đào tạo quốc tế ngành Quản trị kinh doanh hình thức 2+2 cấp song bằng giữa TDTU và PUEB, người tốt nghiệp sẽ có thể:

STT	Mô tả mục tiêu đào tạo
1	PEO1: Người tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc trong môi trường kinh doanh toàn cầu, đa văn hoá với sự cạnh tranh cao.
2	PEO2: Người tốt nghiệp có năng lực tự học, tự nghiên cứu để phát triển chuyên môn và có thể tiếp tục học ở trình độ cao hơn.
3	PEO3: Người tốt nghiệp có hành vi, thái độ, kỹ năng và tác phong làm việc chuyên nghiệp, theo tiêu chuẩn quốc tế, tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm và đạo đức trong công việc.

9. Chuẩn đầu ra (Programme Learning Outcomes - PLOs):

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo chương trình đại học liên kết đào tạo quốc tế ngành Quản trị kinh doanh hình thức 2+2 cấp song bằng giữa TDTU và PUEB, người học có khả năng:

STT	Mô tả chuẩn đầu ra
1	PLO1: Người học có khả năng giải quyết (Solve) các vấn đề phức tạp phát sinh trong thực tiễn kinh doanh.
2	PLO2: Người học có khả năng giải quyết (Solve) các vấn đề chuyên môn, đề xuất các giải pháp quản trị rủi ro trong kinh doanh và cải thiện hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh và toàn cầu hoá.
3	PLO3: Người học có khả năng phân tích (Analyze) các quy trình, cách thức vận hành quy trình trong doanh nghiệp nhằm giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực quản trị kinh doanh
4	PLO4: Người học có khả năng thể hiện (Display) tinh thần đam mê học hỏi suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, thể hiện trách nhiệm cao trong công việc và có đạo đức trong kinh doanh.
5	PLO5: Người học có khả năng thể hiện (Display) tinh thần đam mê học hỏi suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, thể hiện trách nhiệm cao trong công việc và có đạo đức trong kinh doanh.
6	PLO6: Người học có khả năng thể hiện (Display) tinh thần tập thể, có ý thức tổ chức kỷ luật và ý thức phát triển xã hội bền vững.

10. Cấu trúc chương trình đào tạo (Programme structure):

Nội dung	Số tín chỉ		
	Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1. Tổng tín chỉ cấp bằng TDTU	129	112	17
Kiến thức giáo dục đại cương	37	37	0
Lý luận chính trị	11	11	0
Khoa học xã hội	4	4	0
Khoa học tự nhiên	6	6	0
Ngoại ngữ	10	10	0
Kỹ năng hỗ trợ	2	2	0
Cơ sở tin học	4	4	0
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92	75	17
Kiến thức cơ sở ngành	24	24	0
Kiến thức chuyên ngành	55	38	17
Kiến thức thực tập và tốt nghiệp (tương đương)	13	13	0
2. Tổng tín chỉ bổ sung cấp bằng PUEB (ETCS)	3	3	0



11. Nội dung chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy: Phụ lục 1 đính kèm

12. Danh mục các môn học giai đoạn 2 học tại PUEB tương đương với các môn trong chương trình đào tạo cấp bằng TDTU: Phụ lục 2 đính kèm

13. Điều kiện hoàn thành giai đoạn 1:

Sinh viên phải đạt các điều kiện công nhận hoàn thành giai đoạn 1 theo quy chế tuyển sinh và tổ chức đào tạo chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học với nước ngoài của Trường Đại học Tôn Đức Thắng:

- Hoàn thành chương trình đào tạo và đạt số tín chỉ tích lũy theo yêu cầu chuyển tiếp giai đoạn 2;
- Đạt điểm rèn luyện trung bình chung các năm giai đoạn 1 học tại TDTU ≥ 50 điểm;
- Đạt chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5 hoặc tương đương.

14. Điều kiện tốt nghiệp (Progression points):

- Điều kiện tốt nghiệp tại PUEB: theo quy định của PUEB.
- Điều kiện tốt nghiệp tại TDTU:
 - Đã được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp của PUEB;
 - Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất theo quy định;
 - Đạt điểm rèn luyện trung bình chung các năm giai đoạn 1 học tại TDTU ≥ 50 điểm;
 - Hoàn tất toàn bộ chương trình đào tạo của ngành/chuyên ngành, có đủ số tín chỉ tích lũy hoặc môn học theo quy định cho khóa, ngành đào tạo và có điểm trung bình tích lũy không dưới 5.00;
 - Đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương;
 - Chứng chỉ tin học MOS 750/1000 (Word, Excel);
 - Đạt được các yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

15. Những điểm đặc biệt của chương trình (Special features):

- Sinh viên khi hoàn thành chương trình được cấp song bằng: bằng cử nhân Quản trị kinh doanh do Đại học Tôn Đức Thắng cấp và bằng cử nhân Quản trị kinh doanh do Đại học kinh tế Praha cấp;
- Du học nước ngoài với chi phí tiết kiệm, được tham gia học tập vào giao lưu với các sinh viên quốc tế. Đại học Kinh tế Praha là một trường quốc tế, thu hút sinh viên từ hơn 70 quốc gia khác nhau.
- Hệ thống tín chỉ của Trường Praha tương thích với Hệ thống chuyển đổi và tích lũy tín chỉ của Châu Âu (ECTS). Sinh viên học và tích lũy tín chỉ ECTS, sau đó có cơ hội lựa chọn để chuyển tiếp sang học tại các nước thuộc khối liên minh Châu Âu: Anh, Pháp, Ý, Đức, Hà Lan,...
- Từng bước thích nghi với môi trường học tập quốc tế; cơ hội nghề nghiệp và định cư hấp dẫn nhằm hiện thực hóa giấc mơ công dân toàn cầu.
- Trường có cơ sở vật chất hiện đại, được trang bị đầy đủ các thiết bị và công nghệ tiên tiến, đảm bảo cung cấp cho sinh viên môi trường học tập tốt nhất. Đặc biệt, thư viện của trường là một trong những thư viện lớn nhất tại Cộng hòa Séc, cung cấp hàng ngàn sách và tài liệu cho sinh viên và giảng viên.
- Sinh viên được tham gia các tọa đàm, seminar, workshop chuyên ngành.
- Các lớp học giai đoạn 1 đều có Giảng viên cố vấn để tư vấn và hỗ trợ sinh viên trong suốt quá trình học.

- Nhiều chính sách học bổng hấp dẫn dành riêng cho sinh viên TDTU.

16. Cơ hội việc làm (Job opportunities)

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các vị trí công việc như: Quản lý nhân sự, marketing và quảng cáo, kinh doanh, tài chính, đầu tư, kế hoạch, quản lý dự án, quản lý chất lượng, dịch vụ khách hàng, tư vấn quản lý, tư vấn chiến lược tại các tập đoàn đa quốc gia, liên doanh, tổ chức tài chính, các công ty luật, công ty tư vấn toàn cầu, công ty xuất nhập khẩu; Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về lĩnh vực kinh doanh hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.

17. Ngày ban hành và chỉnh sửa (Date of issue and revision):

Chương trình được ban hành ngày 05/01/2017.

Chỉnh sửa lần 01 vào ngày 05/4/2023



TS. TRẦN TRỌNG ĐẠO

TRƯỜNG KHOA ✓

PGS.TS. PHẠM THỊ MINH LÝ



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (2+2 SONG BẰNG) TUYỂN SINH TỪ NĂM 2022

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO: K7340101

TRƯỜNG LIÊN KẾT: ĐẠI HỌC KINH TẾ PRAHA, CỘNG HÒA SÉC

(Đính kèm theo Quyết định số 832 ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng)

1. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã MH/ Mã Nhóm	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyế t (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyển tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
1.1 DANH MỤC MÔN HỌC CẤP BẰNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG																
1.1.1 ĐÀO TẠO TẠI ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG																
		A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		34												
		A.1 Lý luận chính trị		11												
1	306102	Triết học Mác - Lênin Philosophy of Marxism and Leninism	x	3	45	0	90						1		XHNV	
2	306103	Kinh tế chính trị Mác-Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	x	2	30	0	60		306102				2		XHNV	
3	306104	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	x	2	30	0	60		306102, 306103				3		XHNV	
4	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	x	2	30	0	60		306102, 306103, 306104				4		XHNV	
5	306106	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	x	2	30	0	60		306102, 306103, 306104				4		XHNV	

STT	Mã MH/ Mã Nhóm	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyế t (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền đã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyên tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
		A.2 Khoa học xã hội		4												
6	302053	Pháp luật đại cương Introduction to Laws	x	2	30	0	60				Tiếng Anh		1	x	Luật	
7	E01084	Luật công ty Company Law	x	2	30	0	60		302053		Tiếng Anh		2		Luật	
		A.3 Khoa học tự nhiên		3												
8	C01120	Toán kinh tế Mathematics for Economists	x	3	45	0	90				Tiếng Anh		1	x	T-TK	
		A.4 Ngoại ngữ		10												
9	P15C08	Chứng chỉ tiếng Anh English Language Proficiency Certificate	x	10	0	0	300				Tiếng Anh		4	x	TDT CLC	
		A.5 Kỹ năng hỗ trợ		2												
10	L00060	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Essential skills for sustainable development	x	2	0	60	60						4	x	P.CTH SSV	
	6437_22 C771	Các mô đun Kỹ năng phát triển bền vững		0												
11	L00019	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 1 Essential Skills for Sustainable Development - Life Attitude 1	x	0	0	20	0						1		P.CTH SSV	
12	L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2 Essential Skills for Sustainable Development - Life Attitude 2	x	0	0	20	0		L00019				3		P.CTH SSV	
13	L00046	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Tư duy phản biện Essential Skills for Sustainable Development - Critical Thinking	x	0	0	20	0						4		P.CTH SSV	
		A.6 Giáo dục thể chất		0												
	6014_22 C771	Nhóm bắt buộc		0												

STT	Mã MH/ Mã Nhóm	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyế t (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiền quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyên tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
14	D01001	Bơi lội Swimming	x	0	15	30	0						1	x	KHTT	
	6015_22 C771	Nhóm tự chọn GDTC 1		1									2-0			
15	D01101	GDTC 1 - Bóng đá Physical Education 1 - Football		0	15	30	0								KHTT	
16	D01102	GDTC 1 - Taekwondo Physical Education 1 - Taekwondo		0	15	30	0								KHTT	
17	D01103	GDTC 1 - Bóng chuyền Physical Education 1 - Volleyball		0	15	30	0								KHTT	
18	D01104	GDTC 1 - Cầu lông Physical Education 1 - Badminton		0	15	30	0								KHTT	
19	D01105	GDTC 1 - Thể dục Physical Education 1 - Aerobic		0	15	30	0								KHTT	
20	D01106	GDTC 1 - Quần vợt Physical Education 1 - Tennis		0	15	30	0								KHTT	
21	D01120	GDTC 1 - Thể hình Fitness Physical Education 1 - Fitness		0	15	30	0								KHTT	
22	D01121	GDTC 1 - Hatha Yoga Physical Education 1 - Hatha Yoga		0	15	30	0								KHTT	
	6016_22 C771	Nhóm tự chọn GDTC 2		1									3-0			
23	D01201	GDTC 2 - Karate Physical Education 2 - Karate		0	0	60	0								KHTT	
24	D01202	GDTC 2 - Vovinam Physical Education 2 - Vovinam		0	0	60	0								KHTT	
25	D01203	GDTC 2 - Võ cổ truyền Physical Education 2 - Vietnamese Traditional Martial Art		0	0	60	0								KHTT	
26	D01204	GDTC 2 - Bóng rổ Physical Education 2 - Basketball		0	0	60	0								KHTT	

STT	Mã MH/ Mã Nhóm	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyết t (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyên tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
27	D01205	GDTC 2 - Bóng bàn Physical Education 2 - Table Tennis		0	0	60	0								KHTT	
28	D01206	GDTC 2 - Cờ vua vận động Physical Education 2 - Action Chess		0	0	60	0								KHTT	
29	D01220	GDTC 2 - Khúc côn cầu Physical Education 2 - Field Hockey		0	0	60	0								KHTT	
30	D01221	GDTC 2 - Golf Physical Education 2 - Golf		0	0	60	0								KHTT	
		A.7 Giáo dục quốc phòng		0												
31	D02031	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 1 National Defense and Security Education - 1st Course	x	0	45	0	0						1		TT QP- AN	
32	D02032	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 2 National Defense and Security Education - 2nd Course	x	0	30	0	0						1		TT QP- AN	
33	D02033	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 3 National Defense and Security Education - 3rd Course	x	0	15	15	0						1		TT QP- AN	
34	D02034	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 4 National Defense and Security Education - 4th Course	x	0	0	60	0						1		TT QP- AN	
		A.8 Tin học		4												
35	G01001	Cơ sở tin học 1 Fundamentals of Informatics 1	x	2	15	30	60				Tiếng Anh		1	x	CAIT	
36	G01002	Cơ sở tin học 2 Fundamentals of Informatics 2	x	2	15	30	60		G01001		Tiếng Anh		2	x	CAIT	
37	G01M01	Microsoft Office Specialist (Microsoft Word) Microsoft Office Specialist (Microsoft Word)	x	0	0	0	0						2	x	CAIT	
38	G01M02	Microsoft Office Specialist (Microsoft Excel) Microsoft Office Specialist (Microsoft Excel)	x	0	0	0	0						3	x	CAIT	
		B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		23												
		B.1 Kiến thức cơ sở		15												
39	201039	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	x	3	45	0	90		701027		Tiếng Anh		4	x	KT	

STT	Mã MH/ Mã Nhóm	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyế t (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiền quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bố	Môn học bắt buộc chuyên tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
40	701027	Kinh tế vi mô Microeconomics	x	4	60	0	120				Tiếng Anh		2	x	QTKD	
41	701028	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	x	4	60	0	120		701027		Tiếng Anh		3	x	QTKD	
42	C01136	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế Statistics for Business and Economics	x	4	60	0	120		C01120		Tiếng Anh		2	x	T-TK	
		B.2 Kiến thức ngành		8												
		B.2.1 Kiến thức chung		3												
43	701014	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh Business Research Methods	x	3	45	0	90		701028, C01136		Tiếng Anh		4	x	QTKD	
		B.2.2 Kiến thức chuyên ngành		3												
44	707018	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	x	3	45	0	90				Tiếng Anh		3	x	QTKD	
		B.2.2.1 Kiến thức tập sự nghề nghiệp/ Kỹ năng chuyên môn		0												
45	714CM7	Kỹ năng thực hành chuyên môn Professional Skills Exam	x	2	0	0	60				Tiếng Anh		8		QTKD	
1.1.2. ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ PRAHA																
		C. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		3												
		C.3 Khoa học tự nhiên		3												
46	B03013	Mô hình toán kinh tế Methods of Economic Analysis	x	3	30	30	90				Tiếng Anh		6		TCNH	
		D. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		69												
		D.1 Kiến thức cơ sở		9												
47	702020	Nguyên lý quản trị (Anh) Principles of Management	x	3	45	0	90				Tiếng Anh		5		QTKD	
48	704003	Hành vi khách hàng Consumer Behaviour	x	3	45	0	90				Tiếng Anh		7		QTKD	
49	704024	Nguyên lý Marketing Principles of Marketing	x	3	45	0	90				Tiếng Anh		6		QTKD	

STT	Mã MH/ Mã Nhóm	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyết t (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bố	Môn học bắt buộc chuyên tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
		D.2 Kiến thức ngành		52												
		D.2.2 Kiến thức chuyên ngành		52												
	6023_22 C771	Nhóm bắt buộc		32												
50	201048	Kế toán quản trị Management Accounting	x	3	45	0	90				Tiếng Anh		7		KT	
51	201114	Kiểm toán và kiểm soát Audit and Controlling	x	4	60	0	120				Tiếng Anh		6		KT	
52	702025	Quản trị điều hành Operation Management	x	4	60	0	120				Tiếng Anh		5		QTKD	
53	702026	Quản trị chất lượng, môi trường, sức khỏe và an toàn Quality, Environment, Health and Safety Management	x	2	30	0	60				Tiếng Anh		8		QTKD	
54	702028	Thiết kế tổ chức Organizational Architecture	x	3	45	0	90				Tiếng Anh		7		QTKD	
55	702050	Quản trị nguồn nhân lực Human Resource Management	x	3	45	0	90				Tiếng Anh		5		QTKD	
56	702056	Chiến lược kinh doanh quốc tế International Business Strategy	x	3	45	0	90				Tiếng Anh		7		QTKD	
57	702058	Đạo đức kinh doanh trong môi trường toàn cầu Business Ethics in Global Environment	x	2	30	0	60				Tiếng Anh		7		QTKD	
58	702073	Khởi nghiệp Entrepreneurship	x	2	30	0	60				Tiếng Anh		7		QTKD	
59	706021	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương Practices of International Trade	x	3	45	0	90				Tiếng Anh		7		QTKD	
60	B02051	Quản trị tài chính Financial Management	x	3	45	0	90				Tiếng Anh		6		TCNH	
	6705_22 C771	Nhóm tự chọn chuyên ngành 1		7									7-7			
61	302220	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch Communication Skills in Tourism		2	30	0	60				Tiếng Anh				XHNV	

STT	Mã MH/ Mã Nhóm	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyế t (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyên tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
62	303022	Du lịch văn hóa Culture Tourism		2	30	0	60				Tiếng Anh				XHNV	
63	303069	Quản lý điểm đến Destination Management		3	45	0	90				Tiếng Anh				XHNV	
64	702052	Quản trị văn hóa đa quốc gia Cross-cultural Management		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
65	702054	Thương mại điện tử E-commerce		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
66	702065	Hệ thống thông tin trong kinh doanh Information Systems in Business		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
67	702069	Chiến lược kinh doanh quốc tế (Anh) International Business Strategy		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
68	704022	Tiếp thị công nghệ số Digital Marketing		3	30	30	90				Tiếng Anh				QTKD	
69	704106	Quản trị tiếp thị khu vực châu Á Asian Marketing Management		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
70	704120	Quản trị quan hệ khách hàng Customer Relationship Management		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
71	704121	Chuyên đề định hướng nghề nghiệp - Marketing Career in Marketing		2	30	0	60				Tiếng Anh				QTKD	
72	706117	Tài chính trong kinh doanh Business Finance		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
73	706119	Nghiệp vụ giao nhận vận tải quốc tế International Cargo Transportation		4	60	0	120				Tiếng Anh				QTKD	
74	706133	Quản trị vận hành Operation Management		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
75	707017	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế International Human Resource Management		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
76	B02031	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư Financial Planning and Policy		3	30	30	90				Tiếng Anh				TCNH	

STT	Mã MH/ Mã Nhóm	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyế t (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyên tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
77	B02034	Đầu tư tài chính Financial Investment		3	30	30	90				Tiếng Anh				TCNH	
78	B02084	Lý thuyết tài chính và tài chính doanh nghiệp Foundations of Finance		3	45	0	90				Tiếng Anh				TCNH	
	6706_22 C771	Nhóm tự chọn chuyên ngành 2		10									8-10			
79	302001	Nhập môn xã hội học Introduction to Sociology		3	45	0	90				Tiếng Anh				XHNV	
80	302031	Môi trường và phát triển Environment and Development		2	30	0	60				Tiếng Anh				XHNV	
81	303061	Quản trị lữ hành Managing Tourism Businesses		3	45	0	90				Tiếng Anh				XHNV	
82	303067	Tiếp thị trong du lịch Marketing in Tourism		3	45	0	90				Tiếng Anh				XHNV	
83	702022	Xu hướng kinh tế thế giới Trend in World Economy		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
84	702074	Quản lý sự thay đổi Change Management		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
85	704014	Marketing toàn cầu Global Marketing		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
86	704109	Quản trị Quảng cáo và chiêu thị Advertising & Promotion Management		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
87	704117	Chiến lược truyền thông mạng xã hội Social media strategy		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
88	704123	Chiến lược Marketing Marketing Strategy		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
89	706036	Kinh doanh quốc tế (Anh) International Business		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	
90	707002	Tâm lý học nghề nghiệp Occupational Psychology		3	45	0	90				Tiếng Anh				QTKD	

STT	Mã MH/ Mã Nhóm	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyế t (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bố	Môn học bắt buộc chuyên tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
91	B01020	Tiền tệ và thị trường tài chính Money and Capital Markets		4	45	30	120				Tiếng Anh				TCNH	
92	B02033	Thuế Taxation		3	30	30	90				Tiếng Anh				TCNH	
93	B02036	Thẩm định giá Valuation		3	30	30	90				Tiếng Anh				TCNH	
		<i>D.2.2.1 Kiến thức tập sự nghề nghiệp/ Kỹ năng chuyên môn</i>		3												
94	704134	Tập sự nghề nghiệp Work-Integrated Education	x	3	0	90	90		P15C08		Tiếng Anh		8		QTKD	
	6025_22 C771	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>		8												
95	704105	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	x	8	0	240	240				Tiếng Anh		8		QTKD	
		Tổng cộng		129												
1.2 DANH MỤC MÔN HỌC BỔ SUNG ĐỀ CẤP BẰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ PRAHA																
96		English IV / or equivalent course to BEC Higher certificate	x	3												
		Tổng cộng		3												

2. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

2.1. Kế hoạch giảng dạy tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng

HỌC KỲ 1

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1	306102	Triết học Mác - Lênin Philosophy of Marxism and Leninism	X	3	
2	302053	Pháp luật đại cương Introduction to Laws	X	2	
3	C01120	Toán kinh tế Mathematics for Economists	X	3	
4	L00019	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 1 Essential Skills for Sustainable Development - Life Attitude 1	X	0	
5	D01001	Bơi lội Swimming	X	0	
6	D02031	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 1 National Defense and Security Education - 1st Course	X	0	
7	D02032	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 2 National Defense and Security Education - 2nd Course	X	0	
8	D02033	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 3 National Defense and Security Education - 3rd Course	X	0	
9	D02034	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 4 National Defense and Security Education - 4th Course	X	0	
10	G01001	Cơ sở tin học 1 Fundamentals of Informatics 1	X	2	
TỔNG				10	

HỌC KỲ 2

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1	306103	Kinh tế chính trị Mác-Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	X	2	
2	E01084	Luật công ty Company Law	X	2	
3	G01002	Cơ sở tin học 2 Fundamentals of Informatics 2	X	2	
4	G01M01	Microsoft Office Specialist (Microsoft Word) Microsoft Office Specialist (Microsoft Word)	X	0	
5	701027	Kinh tế vi mô Microeconomics	X	4	
6	C01136	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế Statistics for Business and Economics	X	4	
7	6015_22 C771	Nhóm tự chọn GDTC 1		0	
TỔNG				14	

HỌC KỲ 3

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1	306104	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	X	2	
2	L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2 Essential Skills for Sustainable Development - Life Attitude 2	X	0	
3	G01M02	Microsoft Office Specialist (Microsoft Excel) Microsoft Office Specialist (Microsoft Excel)	X	0	

4	701028	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	X	4	
5	707018	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	X	3	
6	6016_22 C771	Nhóm tự chọn GDTC 2		0	
TỔNG				9	

HỌC KỲ 4

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	X	2	
2	306106	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	X	2	
3	P15C08	Chứng chỉ tiếng Anh English Language Proficiency Certificate	X	10	
4	L00060	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Essential skills for sustainable development	X	2	
5	L00046	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Tư duy phản biện Essential Skills for Sustainable Development - Critical Thinking	X	0	
6	201039	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	X	3	
7	701014	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh Business Research Methods	X	3	
TỔNG				22	

2.2. Kế hoạch giảng dạy tại Trường Đại học Kinh tế Praha

HỌC KỲ 5

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1		Human resource management	X	6	
2		Consumer behavior	X	5	
3		Management	X	4	
4		Operations Management	X	6	
5		Business Ethics	X	4	
6		Logistics	X	5	
TỔNG				30	

HỌC KỲ 6

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1		Marketing	X	6	
2		Quality, Environment, Health and Safety Management	X	3	
3		Electives		6	

4		Audit and Controlling	X	6	
5		Corporate Finance	X	6	
6		English IV / or equivalent course to BEC Higher certificate	X	3	
TỔNG				30	

HỌC KỲ 7

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1		Foundations of Business Strategy	X	6	
2		Financial Mathematics	X	6	
3		Entrepreneurship	X	6	
4		Electives		4	
5		Financial and Managerial Accounting	X	6	
6		Organizational Architecture	X	4	
TỔNG				32	

VIẾT

HỌC KỲ 8

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1		Electives		19	
2		Bachelor thesis defense	X	3	
3		State Exam in Study Course	X	3	
TỔNG				25	



HIỆU TRƯỞNG *26/4*

TS. Trần Trọng Đạo

TRƯỞNG KHOA *26/4*

Phạm Thị Minh Lý

PGS.TS. Phạm Thị Minh Lý



**DANH MỤC MÔN HỌC TƯƠNG ĐƯƠNG GIAI ĐOẠN 2 VỚI
CÁC MÔN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẤP BẰNG TDTU
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

(BUSINESS ADMINISTRATION)

MÃ NGÀNH: K7340101

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

TUYỂN SINH TỪ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 832 /QĐ-TĐT ngày 05 tháng 4 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng)

STT	Môn học giai đoạn 2 học tại PUEB		Môn học cấp bằng TDTU		
	Môn học	Số TC	Mã MH	Môn học	Số TC
1	Financial Mathematics	6	B03013	Methods of Economic Analysis	3
2	Management	4	702020	Principles of Management	3
3	Consumer Behavior	5	704003	Consumer Behavior	3
4	Marketing	6	704024	Principles of Marketing	3
5	Financial and Managerial Accounting	6	201048	Management Accounting	3
6	Audit and Controlling	6	201114	Audit and Controlling	4
7	Operations Management	6	702025	Operations Management	4
8	Quality, Environment, Health and Safety Management	3	702026	Quality, Environment, Health and Safety Management	2
9	Organizational Architecture	4	702028	Organizational Architecture	3
10	Human Resource Management	6	702050	Human Resource Management	3
11	Foundations of Business Strategy	6	702056	International Business Strategy	3
12	Business Ethics	4	702058	Business Ethics in Global Environment	2
13	Entrepreneurship	6	702073	Entrepreneurship	2
14	Logistics	5	706021	Practices of International Trade	3
15	Corporate Finance	6	B02051	Financial Management	3



16	Bachelor Thesis Defence	3	704134	Work-Integrated Education	3
17	State Exam in Study Course	3	704105	Graduation Thesis	8
Nhóm tự chọn chuyên ngành 1 (chọn 7 tín chỉ)					
18	Critical Thinking	3	302220	Communication Skills in Tourism	2
19	Cultural Tourism	3	303022	Culture Tourism	2
20	Innovative approaches in management of towns with a cultural and historical potential	3	303069	Destination Management	3
21	Intercultural Communication	3	702052	Cross-cultural Management	3
22	Digital transformation in logistics and transport - complementary services of international trade	3	702054	E-commerce	3
23	Information Systems	3	702065	Information Systems in Business	3
24	Globalization and its economic and social aspects	6	702069	International Business Strategy	3
25	Computer graphics	6	704022	Digital Marketing	3
26	Doing business in Russia	6	704106	Asian Marketing Management	3
27	Corporate Social Responsibility	3	704120	Customer Relationship Management	3
28	Career development	6	704121	Career in Marketing	2
29	Finance and Banking	4	706117	Business Finance	3
30	Intermodal Transportation	3	706119	International Cargo Transportation	4
31	Corporate Learning and Development	4	706133	Operation Management	3
32	Human Resource Management Seminar	4	707017	International Human Resource Management	3
33	Evaluation of Investment Projects in Non-Profit Sector	6	B02031	Financial Planning and Policy	3
34	Financial Derivatives I	3	B02034	Financial Investment	3
35	Chapters in Economic History	4	B02084	Foundations of Finance	3
Nhóm tự chọn chuyên ngành 2 (chọn 10 tín chỉ)					
36	Sociology of Virtual Organization	6	302001	Introduction to Sociology	3

37	Quality of Working Life	6	302031	Environment Development and	2
38	Tour Operator's Operations	6	303061	Managing Tourism Businesses	3
39	Management and marketing of cultural tourism	3	303067	Marketing in Tourism	3
40	Managing SMEs in Turbulent Times	6	702074	Change Management	3
41	Introduction to International Business Communications	3	704014	Global Marketing	3
42	Marketing Communications	6	704109	Advertising & Promotion Management	3
43	Social Marketing	5	704117	Social Media Strategy	3
44	Strategic Leadership and Management of the CSR	4	704123	Marketing Strategy	3
45	Problems of Cross-cultural Communication - in English (C1)	3	706036	International Business	3
46	Psychology and sociology in management	5	707002	Occupational Psychology	3
47	International Financial Markets	3	B01020	Money and Capital Markets	4
48	Taxes	6	B02033	Taxes	3
49	Introduction into Social Cost-Benefit Analysis	6	B02036	Valuation	3
50	Trend in World Economy	4	702022	Trend in World Economy	3